

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/HS-ST
Ngày 28 - 10 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Tiến Dũng – Giáo viên nghỉ hưu

Ông Phan Tấn Lãm – Giáo viên nghỉ hưu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Đức – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 10 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo:

Điều D, sinh ngày 12/4/2008, nơi sinh: Đồng Nai; Nơi thường trú: thôn Dt, xã B, tỉnh Đồng Nai; nơi ở hiện tại: thôn Dt, xã B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: M'ông; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điều S và bà Thị Y L; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 13/3/2025, bị Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai) Quyết định Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 12 tháng tại Quyết định số: 19/2025/QĐ-TA; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/7/2025 tại phân trại tạm giam khu vực Bù Gia Mập – Trại tạm giam số 2, tỉnh Đồng Nai cho đến nay, “có mặt”.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo: Ông Điều S, sinh năm 1978 “có mặt”.

Nơi ở hiện tại: Thôn Dt, xã B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm nông là bố ruột bị cáo Điều D.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đặng Thái H - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai “có mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Điều S, **sinh năm 1978** “có mặt”.
2. Ông Điều X, **sinh năm 1982** “có mặt”.

Nơi ở hiện tại: Thôn Dt, xã B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

* Người làm chứng:

Ông Điều Kh, sinh ngày 19/7/2009 “có mặt”.

Nơi ở hiện tại: Thôn Dt, xã B, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Điều D, sinh ngày 12/4/2008 và Điều Kh, sinh ngày 19/7/2009 là bạn bè chơi chung và cùng sinh sống tại thôn Dt, xã B, tỉnh Đồng Nai.

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 08/3/2025, Điều Kh điều khiển xe mô tô biển số 93H1 – 327.79 đến nhà của Điều D chơi. Lúc này, do muốn có ma túy để sử dụng nên Điều D sử dụng chiếc điện thoại di động OPPO A15 (có gắn 01 thẻ sim số thuê bao 0964.776.651) của ông Điều S (bố của D) gọi điện thoại hỏi mua ma túy của Tý (không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 200.000 đồng thì Tý đồng ý bán và hẹn D đi đến khu vực tiểu khu 40 Lâm trường Đắc Mai thuộc thôn Đắc Á, xã Bù Gia Mập để lấy ma túy. Sau đó, D rủ Kh cùng đi với D để mua ma túy thì Kh đồng ý và đưa xe mô tô biển số 93H1-327.79 cho D điều khiển chở Kh đến khu vực tiểu khu 40 Lâm trường Đắc Mai thuộc xã Bù Gia Mập gặp Tý, tại đây D đưa cho Tý 200.000 đồng rồi Tý đưa cho D 01 đoạn ống hút nhựa màu vàng bên trong chứa ma túy, D nhận ma túy rồi đưa cho Kh cất giữ rồi cả hai đi về. Đến 14 giờ 40 phút cùng ngày, D và Kh đi về đến thôn D, xã B thì Công an xã B kiểm tra phát hiện và thu giữ trên người Điều Kh 01 đoạn ống nhựa màu vàng được hàn kín hai đầu bên trong chứa tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy), qua kiểm tra khối lượng đã xác định tinh thể màu trắng trong 01 đoạn ống nhựa màu vàng được hàn kín hai đầu có khối lượng 0,1450g nên Công an xã B đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Điều D và Điều Kh.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 đoạn ống nhựa màu vàng được hàn kín hai đầu bên trong chứa tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy); 01 xe mô tô biển số 93H1-327.79 và 01 chiếc điện thoại di động OPPO A15 (có gắn 01 thẻ sim số thuê bao 0964.776.651)

Theo bản kết luận giám định số 264/KL-KTHS ngày 14/3/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước (cũ), kết luận: Tinh thể màu trắng ký hiệu M bên trong 01 đoạn ống hút nhựa được niêm phong gửi giám định là ma

túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1450 gam, mẫu vật hoàn lại sau giám định: 0,0775 gam, đã niêm phong.

Tại bản Cáo trạng số 01/CTr-VKS ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai truy tố bị cáo Điều D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025 (sau đây gọi là Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Điều D như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 12, Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024; xử phạt bị cáo Điều D mức án tù từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Đối với 0,0775 gam chất ma túy hoàn lại sau giám định, đây là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 93H1-327.79, quá trình điều tra đã xác định được chiếc xe này là của Điều X (bố của Điều Kh). Ngày 08/3/2025 Điều Kh mượn chiếc xe này của ông X để đi chơi, khi Kh sử dụng chiếc xe này để đi cùng với Điều D mua ma túy thì ông X không biết nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Nai đã trả lại cho ông X.

- Đối với chiếc điện thoại di động OPPO A15 (có gắn 01 thẻ sim số thuê bao 0964.776.651) do Điều D sử dụng để liên lạc với đối tượng Tý để mua ma túy: Quá trình điều tra đã xác định chiếc điện thoại này là của Điều Sơn (bố của D), ngày 08/3/2025 ông Sơn để điện thoại ở nhà rồi đi làm vườn, khi D tự ý sử dụng để gọi cho Tý mua ma túy thì ông Sơn không biết nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Nai đã trả lại cho ông Sơn.

Tại phiên tòa bị cáo Điều D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã xác định.

Người bào chữa cho bị cáo D trình bày: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai, truy tố bị cáo D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo sinh sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, mẹ bị cáo bị bệnh hiểm nghèo. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành

niên phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 12, Điều 119 Luật Tố tụng hình sự người chưa thành niên, xử phạt bị cáo D mức án thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo D nói lời sau cùng: Sau khi phạm tội bị cáo đã rất hối hận, bị cáo sinh sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; hiện nay mẹ bị cáo đang bị bệnh hiểm nghèo nên xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Phước nay là tỉnh Đồng Nai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét thấy, các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản kiểm tra hiện trường; kết luận định giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước nay là tỉnh Đồng Nai; lời khai của người làm chứng phù hợp về thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, vật chứng của vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Do muốn có ma túy để sử dụng cho bản thân nên ngày 08/3/2025, Điều D đã mua của một người tên Tý (không rõ nhân thân, lai lịch) ở khu vực Tiểu khu 40 - Lâm trường Đắc Mai thuộc thôn Đắc Á, xã Bù Gia Mập, tỉnh Đồng Nai 01 gói ma túy có khối lượng 0,1450 gam, loại Methamphetamine với số tiền 200.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, Điều D đưa cho Điều Kh cất giữ rồi D điều khiển xe mô tô đi về. Khi D và Kh đi đến khu vực thôn Dt, xã B thì bị Công an xã B kiểm tra phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

[3] Đối chiếu hành vi nêu trên của bị cáo Điều D với quy định của pháp luật hình sự thì hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. **Do đó, Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 03 tháng 10 năm 2025, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai, truy tố bị cáo Điều D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.**

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, trong đó có loại Methamphetamine. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ được hành vi phạm tội của mình là rất nguy hiểm, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng nhằm mục đích thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy trái pháp luật của cá nhân nên bị cáo đã cố ý trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật và phòng ngừa chung.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

[5.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội bị cáo D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo sinh sống trong vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo D khi thực hiện hành vi phạm tội là người chưa thành niên nên cần áp dụng quy định tại Điều 12, Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên để xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Điều D không có tình tiết tăng nặng tránh nhiệm hình sự.

[5.3] Về nhân thân: Bị cáo Điều D đã bị Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập (nay là Toà án nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

[6] Xét về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”, do đó bị cáo D có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy, khi thực hiện tội phạm bị cáo D làm nghề nông, không có thu nhập ổn định; bị cáo là người chưa thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo D.

[7] Về vật chứng:

- Đối với 0,0775 gam chất ma túy hoàn lại sau giám định, đây là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 93H1-327.79, quá trình điều tra đã xác định được chiếc xe này là của Điều X (bố của Điều Kh). Ngày 08/3/2025 Điều Kh mượn chiếc xe này của ông X để đi chơi, khi Kh sử dụng chiếc xe này để đi

cùng với Điều D mua ma túy, ông X không biết nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Nai đã trả lại cho ông X nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

- Đối với chiếc điện thoại di động OPPO A15 (có gắn 01 thẻ sim số thuê bao 0964.776.651) do Điều D sử dụng để liên lạc với đối tượng Tý để mua ma túy: Quá trình điều tra đã xác định chiếc điện thoại này là của Điều Sơn (bố của D), ngày 08/3/2025 ông Sơn để điện thoại ở nhà rồi đi làm vườn, khi D tự ý sử dụng để gọi cho Tý mua ma túy thì ông Sơn không biết nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Nai đã trả lại cho ông Sơn nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đồng Nai đề nghị mức hình phạt và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung và đề nghị xử lý vật chứng là có căn cứ, đúng quy định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo D về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và mức hình phạt là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Đối với đối tượng tên Tý là người đã bán ma túy cho bị cáo Điều D vào ngày 08/3/2025, sau khi bị cáo D sử dụng điện thoại di động để liên lạc với Tý, bị cáo D đã xóa hết thông tin số điện thoại của Tý nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đồng Nai không xác định được nhân thân, lai lịch của Tý nên không có cơ sở để xử lý.

[11] Đối với Điều Kh, sinh ngày 19/7/2009 tính đến ngày 08/3/2025, Kh chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm ít nghiêm trọng và nghiêm trọng (chưa đủ 16 tuổi) nên không xử lý đối với Kh về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[12] Về áp dụng pháp luật: Do bị cáo Điều D thực hiện hành vi phạm tội trước ngày 01/7/2025 (ngày Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 có hiệu lực thi hành), tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 quy định mức hình phạt (từ 03 năm đến 05 năm) nặng hơn mức hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (từ 01 năm đến 05 năm). Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 4 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự số 86/2025/QH15 ngày 25/6/2025 và áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xử lý đối với Điều D.

[13] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Điều D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Điều D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 12, Điều 119 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024;

Phạt bị cáo Điều D 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 25/7/2025.

2. Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ vào các Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu huỷ 0,0775 gam chất ma túy hoàn lại sau giám định.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 8990/2025 ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Phòng THADS khu vực 13 – Đồng Nai).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 13 – Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 13 – Đồng Nai
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Công